

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS- ST

Ngày: 28 – 9 - 2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay và thỏa thuận bảo đảm thực hiện nghĩa vụ về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Đặng Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2020/TLST-DS ngày 18/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Anh U, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số 47A đường Nguyễn Thị M K, khóm N, phường M, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: số 219 đường T, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Huỳnh Văn Th sinh năm: 1972;

Địa chỉ: số 26A đường B, ấp L, phường E, thành phố T, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/01/2021.

2. Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: số 26A đường B, ấp L, phường E, thành phố T, tỉnh T.

3. Ông Đồng Minh T, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh T.

4. Ông Lê Hùng Q, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: số 31 đường L, khóm E, phường F, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Anh U trình bày và có yêu cầu như sau:

Năm 2019 ông Nguyễn Minh L đại diện cho ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q vay của ông số tiền 1.750.000 000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng cho khoản vay của các ông. Ngày 28/10/2019, các ông Liệt, Q, Th và T trả cho ông được số tiền 640.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 1.110.000.000 đồng. Qua nhiều lần yêu cầu thanh toán, đến ngày 15/3/2020 các ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q tự làm văn bản thỏa thuận cam kết cùng chịu chung nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.110.000.000 đồng, khi làm văn bản cam kết các ông tự đặt ra vấn đề giao thừa đất số 793, diện tích đất 7.740m², tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh T cho ông để trừ nợ, nếu thiếu thì tiếp tục trả thêm. Sau khi thỏa thuận ông phát hiện diện tích đất trên đang có tranh chấp nên không thể bán trả nợ cho ông được nên ông yêu cầu các ông ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q chỉ trả tiền cho ông, không chấp nhận việc nhận tài sản đảm bảo nhưng các ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.110.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/10/2019 đến nay với mức lãi suất 1,66%/tháng và tiếp tục trả lãi đến khi các ông thanh toán hết nợ.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T trình bày và có yêu cầu như sau:*

Năm 2019, ông Nguyễn Minh L đại diện cho 4 người gồm ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q đứng ra vay của ông U số tiền 1.750.000 000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng. Ngày 28/10/2019, các ông đã trả cho ông U được số tiền 640.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 1.110.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2020, bốn người các ông gồm Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q có ký vào văn bản thỏa thuận cam kết trả cùng cho ông Uy số tiền 1.110.000.000 đồng, chia mỗi người một phần nghĩa vụ bằng nhau. Khi đó cũng thỏa thuận giao cho ông U thừa đất số 793, diện tích đất 7.740m², tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh T để bảo đảm cho việc trả nợ. Nay do làm ăn khó khăn nên các ông chưa thanh toán cho ông U số tiền trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông U, các ông đồng ý trả cho ông U số tiền gốc là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/10/2019 đến nay với mức lãi suất 1,66%/tháng, nhưng yêu cầu ông U thực

hiện việc cam kết là nhận thừa đất số 793, diện tích đất 7.740m², tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh T để thu hồi nợ, nếu còn thiếu thì mới tiếp tục trả thêm và chia mỗi người một phần tư trách nhiệm trả nợ cho ông U.

Các ông Nguyễn Minh L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T và ông Lê Hùng Q vắng mặt các lần triệu tập của Tòa nên không có lời khai.

Tại phiên tòa các đương sự Dương U, Đồng Minh T, Huỳnh Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bác yêu cầu của bị đơn vì không có cơ sở chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Hùng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, ông Nguyễn Minh L vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn Th, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi các bị đơn thanh toán số tiền vay còn nợ là 1.110.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh và yêu cầu phản tố của các bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thực hiện thỏa thuận nhận tài sản là thừa đất số 793, diện tích đất 7.740m², tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh T để trừ vào khoản nợ 1.110.000.000 đồng và phân chia số nợ cho các bị đơn theo phần bằng nhau, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng vay và thỏa thuận bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*” theo quy định tại các Điều 292, Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét về nội dung vụ án, nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 28/10/2019, văn bản thỏa thuận ngày 15/3/2020 và các lời khai nhận nợ của các bị đơn ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T và ông Lê Hùng Q trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện các bị đơn có vay của nguyên đơn ông Dương Anh U số tiền 1.750.000 000 đồng để trả nợ ngân hàng, đã trả cho ông U được số tiền 640.000.000 đồng, còn lại 1.110.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán, các bị đơn đồng ý trả số tiền vay còn thiếu là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên về phương thức trả thì các bị đơn yêu cầu phản tố của các bị đơn yêu cầu công nhận nội dung văn bản thỏa thuận ngày 15/3/2020 giữa các ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T, ông Lê Hùng Q, yêu cầu nguyên đơn nhận thừa đất 793, tờ bản đồ số 8, diện tích 7.740m² tọa lạc tại xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để cân trừ nợ.

Xét thấy văn bản thỏa thuận ngày 15/3/2020 thể hiện việc cam kết của các ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T, ông Lê Hùng Q cùng phải có nghĩa vụ trả số nợ 1.110.000.000 đồng cho ông Dương Nguyễn Anh U, ông Dương Anh U không có trong thành phần thực hiện cam kết, đồng thời việc thỏa thuận phân chia theo phần trong vụ án này phía ông Dương Anh U không đồng ý. Đối với nội dung cam kết dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa 793, tờ bản đồ số 8, diện tích 7.740m² tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh để bảo đảm cho khoản nợ vay trên là không đảm bảo quy định của pháp luật về hình thức lẫn nội dung, bởi văn bản này không xác định loại biện pháp bảo đảm là loại hình nào, vi phạm quy định về đăng ký tài sản giao dịch bảo đảm theo Điều 298 Bộ luật dân sự nên văn bản thỏa thuận này không có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn.

Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh U là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 71; Điều 86; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 288; Điều 292; Điều 298; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh U

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Dương Nguyễn Anh U số tiền 1.110.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/10/2019 đến ngày 28/9/2021, lãi suất 1,66%/tháng là 419.980.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T.

Về án phí : Buộc ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T, ông Lê Hùng Q phải chịu 57.500.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Minh L, ông Huỳnh Văn Th, ông Đồng Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí do không được chấp nhận yêu cầu phản tố nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003234 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Hoàn trả cho ông Dương Anh U số tiền tạm ứng án phí 25.934.505 đồng theo biên lai thu tiền số 0003047 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang